

**BẢN SAO  
COPY**

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-28

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Trần Quang Vinh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên
Bà Vũ Thị Bích Hằng	Ủy viên
Ông Phan Trọng Tuấn	Ủy viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Trần Quang Vinh	Tổng giám đốc
Ông Phan Trọng Tuấn	Phó Tổng giám đốc

#### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Ban Tổng giám đốc,  
**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
SÁCH VIỆT NAM  
  
Trần Quang Vinh  
Tổng giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016



Số: 270 -16/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc  
Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng chưa đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2015. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán đó chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.233.203.874</b>	<b>39.245.559.041</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>23.186.401.722</b>	<b>21.865.732.789</b>
1 Tiền	111		2.186.401.722	1.865.732.789
2 Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	20.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.221.504.556</b>	<b>9.237.866.077</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	5.956.589.814	4.335.499.786
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	870.919.569	906.770.779
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4.393.995.173	3.995.595.512
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.825.297.596</b>	<b>8.141.960.175</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.06	7.825.297.596	8.141.960.175
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>65.493.242.092</b>	<b>58.027.438.615</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.465.689.248</b>	<b>25.992.050.894</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	25.465.689.248	25.992.050.894
- Nguyên giá	222		51.718.791.987	51.718.791.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.253.102.739)	(25.726.741.093)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>18.580.279.511</b>	<b>18.580.279.511</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.239.919.511	3.239.919.511
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		15.340.360.000	15.340.360.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.447.273.333</b>	<b>13.455.108.210</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	21.447.273.333	13.455.108.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>107.726.445.966</b>	<b>97.272.997.656</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.699.471.472</b>	<b>29.366.062.085</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.699.471.472</b>	<b>29.366.062.085</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	13.767.330.042	13.580.893.305
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	90.635.989	476.295.722
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	697.357.829	190.957.941
4 Phải trả người lao động	314		777.646.798	99.519.244
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	21.670.751.661	12.711.126.892
8 Doanh thu chưa thực hiện	318	V.13	699.326.633	399.825.368
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.960.688.423	1.822.880.339
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.734.097	84.563.274
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.026.974.494</b>	<b>67.906.935.571</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>68.026.974.494</b>	<b>67.906.935.571</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.024.955.562	46.024.955.562
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.380.973.209	3.380.973.209
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		17.671.524.326	17.671.524.326
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		949.521.397	829.482.474
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>107.726.445.966</b>	<b>97.272.997.656</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**

Người lập

Nguyễn Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Mai

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**  
 Tổng giám đốc  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 MỘT THÀNH VIÊN  
 SÁCH VIỆT NAM  
 Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Trần Quang Vinh

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Từ 01/07/2014  
đến 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.497.861.819	16.201.483.739
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.879.600	10.691.450
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	31.492.982.219	16.190.792.289
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	15.567.806.824	9.071.243.293
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.925.175.395	7.119.548.996
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.140.726.571	697.775.372
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	45.170.935	3.678.576
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VI.8	8.682.760.430	4.426.817.539
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	8.066.190.669	3.412.212.368
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		271.779.932	(25.384.115)
11 Thu nhập khác	31	VI.7	220.151.709	213.979.592
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		220.151.709	213.979.592
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		491.931.641	188.595.477
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	91.801.895	79.909.527
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		400.129.746	108.685.950

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM



Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Trần Quang Vinh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

&lt;Theo phương pháp trực tiếp&gt;

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

STT	CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Đơn vị tính: VND Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01	31.471.745.173	16.734.141.261
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.990.564.604)	(7.222.761.780)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.296.668.597)	(3.286.108.276)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(21.492.264)	(51.913.627)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.561.167.549	633.495.444
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.544.244.895)	(7.962.240.039)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>179.942.362</b>	<b>(1.155.387.017)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.140.726.571	697.775.372
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.140.726.571</b>	<b>697.775.372</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.320.668.933</b>	<b>(457.611.645)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>21.865.732.789</b>	<b>22.323.344.434</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01 23.186.401.722</b>	<b>21.865.732.789</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Mai



Trần Quang Vinh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

### **I. Đặc điểm hoạt động của Công ty**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Sách Việt Nam, tên viết tắt là SAVINA, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch), được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin và Quyết định số 65/2003/QĐ-BVHTT ngày 24/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sách Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100109829 ngày 10/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109829 ngày 10/12/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **48.660.439.122 VND** (Bằng chữ: *Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phát hành sách và kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xuất bản sách; xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm); dịch vụ liên quan đến in; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nghề nghiệp; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; kinh doanh bất động sản; khách sạn;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

#### **Trụ sở chính**

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 39 348 790 Fax: (84-4) 39 341 591

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại, trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

*Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### **2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Công ty không có các khoản tiền bằng gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá. Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa nên không phải trích lập dự phòng theo quy định tại điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đối chiếu số dư các khoản công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2015.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa nên không phải trích lập dự phòng theo quy định tại điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	09 - 34
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí tiền nhà đất, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và phí dịch vụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### 8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 2189/QĐ/BVHTTDL ngày 24/06/2015 của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch.

Vốn khác của chủ sở hữu là số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác là khoản tiền thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

**12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ. Riêng giá vốn hàng bán của Bộ phận phát hành được tính toán theo công thức giá bìa của sản phẩm, hàng hóa đã bán trừ đi chi phí chiết khấu được hưởng. Phần chi phí chiết khấu hiện đơn vị chưa theo dõi được chi tiết mà chỉ ước tính để hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

*Các nghĩa vụ về thuế*

*Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền	2.186.401.722	1.865.732.789
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>346.398.950</i>	<i>175.483.052</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng (VND)</i>	<i>1.840.002.772</i>	<i>1.690.249.737</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Sở giao dịch I	-	9.162.041
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	370.882.799	272.308.617
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.469.119.973	1.408.779.079
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	11.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.186.401.722</b>	<b>21.865.732.789</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
Công ty Điện ảnh & Văn hóa phẩm Cao Bằng	49.875.500	-	49.875.500	-
Công ty CP Sách - VHTH Hòa Bình	93.650.900	-	93.650.900	-
Công ty CP Phát hành sách Hải Phòng	59.887.631	-	59.887.631	-
Công ty CP Phát hành sách Nam Hà	73.828.276	-	73.828.276	-
Công ty CP Phát hành sách Thái Bình	56.871.800	-	56.871.800	-
Công ty Phát hành sách Tuyên Quang	36.439.800	-	36.439.800	-
Công ty CP Sách & Văn hóa phẩm Thừa Thiên Huế	46.087.374	-	46.087.374	-
Công ty CP Văn hóa Văn Lang	41.370.775	-	-	-
Công ty TNHH Đông Tây - Nhà sách Đông Tây	46.258.750	-	46.258.750	-
Công ty CP Phát hành sách TP HCM - Trung tâm Sách Nguyễn Huệ	95.912.946	-	137.543.596	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty Trung tâm Sách Thiết bị thư viện	106.592.250	-	106.592.250	-
Công ty Văn hóa Báo Thăng	69.735.750	-	69.735.750	-
Công ty Phát hành sách Khu vực 2	160.902.778	-	160.902.778	-
Công ty TNHH Chè Đại Thành	172.800.000	-	172.800.000	-
Công ty Phát hành sách TP HCM - CN Hà nội - Nhà sách Fahasa HN	79.241.800	-	75.371.700	-
Công ty CP In Sách Việt Nam	1.055.238.400	-	501.972.000	-
Công ty TNHH SX & TM BB VPVH XD Minh Việt Long	80.900.000	-	80.900.000	-
50A Hàng Bài	147.874.400	-	307.652.950	-
Nhà sách Hồng Bàng	248.808.181	-	248.808.181	-
Dự án 112	92.000.000	-	92.000.000	-
Các đối tượng khác	3.142.312.503	-	1.918.320.550	-
<b>Cộng</b>	<b>5.956.589.814</b>	<b>-</b>	<b>4.335.499.786</b>	<b>-</b>

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2*3. **Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Trung tâm Dịch thuật DVVH và Khoa học công nghệ	717.435.761	717.435.761
Nhà xuất bản Hachette book Group	76.484.684	-
Công ty TNHH Kiểm toán & Định Giá Việt Nam	-	15.000.000
Công ty Luật Hợp Danh JDC Việt Nam	25.000.000	25.000.000
Trung tâm khai thác dữ liệu QG về TSNN & DV về TS (DPAS)	-	100.000.000
Các đối tượng khác	51.999.124	49.335.018
<b>Cộng</b>	<b>870.919.569</b>	<b>906.770.779</b>

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Trưng Tiển, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 39 348 790

Fax: (84 - 4) 39 341 591

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
				VND
				VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh</b>	<b>3.239.919.511</b>	<b>-</b>	<b>3.239.919.511</b>	<b>3.239.919.511</b>
Công ty CP In Sách Việt Nam	3.239.919.511	-	3.239.919.511	3.239.919.511
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>	<b>15.340.360.000</b>	<b>-</b>	<b>15.340.360.000</b>	<b>15.340.360.000</b>
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc	15.340.360.000	-	15.340.360.000	15.340.360.000
<b>Cộng</b>	<b>18.580.279.511</b>	<b>-</b>	<b>18.580.279.511</b>	<b>18.580.279.511</b>

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết là đầu tư góp vốn vào Công ty CP In Sách Việt Nam với số tiền là 3.239.919.511 đồng tương ứng tỷ lệ 35% vốn góp, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư và được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt theo quyết định số 2189 ngày 24/06/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc là khoản nhận lại vốn góp của Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa với giá trị 1.040.000 USD tương đương với 15.340.360.000 VND chiếm 15,20% vốn góp liên doanh.

Theo công văn số 1656/BVHTTDL-KHTC ngày 26/05/2014 của Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc thoái vốn nhà nước đầu tư ngoài ngành của Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam và Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 cho mục tiêu phục vụ công tác Cổ phần hóa, do đó tại thời điểm 31/12/2015 Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng đầu tư đối với Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc với giá trị là: 9.125.891.479 đồng.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.393.995.173	-	3.995.595.512	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.239.619.390</i>	-	<i>3.779.055.512</i>	-
Công ty Khách sạn và dịch vụ Văn hóa	360.000.000	-	360.000.000	-
Công ty CP Sách - Văn hóa - TBTH Lạng Sơn	175.791.000	-	175.791.000	-
Đối tượng khác	3.588.128.390	-	3.243.264.512	-
<i>Thu về cổ phần hóa</i>	<i>115.700.000</i>	-	<i>72.840.000</i>	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>23.000.000</i>	-	<i>143.700.000</i>	-
Thẩm Liên Hương	-	-	86.700.000	-
Vũ Văn Kiên	-	-	15.000.000	-
Kiều Thu Hằng	-	-	15.000.000	-
Lê Hải Yến	10.000.000	-	10.000.000	-
Phạm Thị Thủy Mai	10.000.000	-	10.000.000	-
Các đối tượng khác	3.000.000	-	7.000.000	-
<i>Dư nợ TK 3388</i>	<i>15.675.783</i>	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.393.995.173</b>	<b>-</b>	<b>3.995.595.512</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.694.674.596	-	7.915.653.175	-
Hàng gửi bán	130.623.000	-	226.307.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.825.297.596</b>	<b>-</b>	<b>8.141.960.175</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	<i>21.447.273.333</i>	<i>13.455.108.210</i>
Tiền thuê nhà 44 Tràng Tiền	-	65.806.384
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	494.223.327	512.274.935
Chi phí tiền thuê nhà, tiền thuê đất	20.937.195.006	12.711.126.891
Phí dịch vụ	15.855.000	165.900.000
<b>Cộng</b>	<b>21.447.273.333</b>	<b>13.455.108.210</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2015	44.364.989.845	913.524.181	6.440.277.961	51.718.791.987	
Mua trong năm	-	-	-	-	
Tặng khác	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2015	44.364.989.845	913.524.181	6.440.277.961	51.718.791.987	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	20.214.643.434	539.371.380	4.972.726.279	25.726.741.093	
Khấu hao trong năm	425.746.122	22.243.452	78.372.072	526.361.646	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2015	20.640.389.556	561.614.832	5.051.098.351	26.253.102.739	
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	24.150.346.411	374.152.801	1.467.551.682	25.992.050.894	
Tại ngày 31/12/2015	23.724.600.289	351.909.349	1.389.179.610	25.465.689.248	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.152.915.955 VND.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	889.134.400	889.134.400	580.559.100	580.559.100
Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	1.384.295.000	1.384.295.000	423.775.000	423.775.000
Nhà xuất bản Celf - Picclia	1.171.043.052	1.171.043.052	1.171.043.052	1.171.043.052
CN Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Trẻ tại Hà Nội	246.352.680	246.352.680	319.401.040	319.401.040
Nhà xuất bản Hachette	380.576.791	380.576.791	473.846.226	473.846.226
NS Minh Thắng - Công ty TNHH VH Minh Tân	325.743.670	325.743.670	290.283.370	290.283.370
Công ty TNHH VH Sáng tạo Trí Việt	196.643.170	196.643.170	272.921.820	272.921.820
Công ty TNHH & DVVH Phương Bắc - Nhà sách Huy Hoàng	167.023.675	167.023.675	280.137.175	280.137.175
Công ty Việt Tinh Anh	264.703.206	264.703.206	108.682.466	108.682.466
Các đối tượng khác	8.741.814.398	8.741.814.398	9.660.244.056	9.660.244.056
<b>Cộng</b>	<b>13.767.330.042</b>	<b>13.767.330.042</b>	<b>13.580.893.305</b>	<b>13.580.893.305</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Công ty CP Văn hóa Văn Lang	-	8.749.725
Công ty CP Thương mại dịch vụ Cổng Vàng	-	283.470.000
Công ty Du học Phúc Khánh	-	99.611.065
Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia	-	2.522.900
Đại sứ quán Pháp	25.319.363	-
Kim Hyoung Gyun	4.916.892	4.916.892
Trường Đại học Hà Lan	12.790.492	12.790.492
Trung tâm Hợp tác KHKT Việt Đức	-	50.000.000
Các đối tượng khác	47.609.242	14.234.648
<b>Cộng</b>	<b>90.635.989</b>	<b>476.295.722</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	99.263.405	1.238.041.488	1.059.378.329	277.926.564
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.348.705	5.348.705	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.936.202	113.294.159	21.492.264	158.738.097
Thuế thu nhập cá nhân	24.758.334	43.882.756	37.537.638	31.103.452
Các loại thuế khác	-	6.618.720	4.676.700	1.942.020
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	227.647.696	-	227.647.696
<b>Cộng</b>	<b>190.957.941</b>	<b>1.407.185.828</b>	<b>1.128.433.636</b>	<b>697.357.829</b>

**12. Chi phí phải trả**

Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí tiền nhà	43.121.388	-
Trích trước chi phí tiền điện	66.577.266	-
Trích trước chi phí khám sức khỏe cho công nhân viên	70.000.000	-
Trích trước chi phí khác	553.858.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội	20.937.195.007	12.711.126.892
<b>Cộng</b>	<b>21.670.751.661</b>	<b>12.711.126.892</b>

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	699.326.633	399.825.368
<b>Cộng</b>	<b>699.326.633</b>	<b>399.825.368</b>

**14. Phải trả khác**

Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kính phí công đoàn	73.386.091	56.799.621
Bảo hiểm xã hội	-	5.498.607
Phải trả, phải nộp khác	1.887.302.332	1.760.582.111
Công ty CP.In & Phát hành sách Lâm Đồng	229.095.688	229.095.688

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Văn hóa Du lịch Gia Lai	75.863.811	75.863.811
Công ty Phát hành sách & Văn hóa phẩm KonTum	68.359.000	68.359.000
Công ty CP Văn hóa Đắc Lắc	355.280.904	355.280.904
Công ty TNHH Tiến Minh	83.200.000	83.200.000
Công ty TNHH Thể thao & Giải trí Đồng Sơn	115.500.000	115.500.000
Công ty CP Thương mại DV Cổng Vàng	203.490.000	203.490.000
CN Công ty CP Dịch vụ và Cà phê Cao Nguyên Nguyễn Thị Minh Thiệu	169.120.000	169.120.000
Trung tâm dưỡng sinh Spa Nguyễn Văn Ngọc	63.424.000	63.424.000
55.000.000	55.000.000	-
Các đối trọng khác	468.968.929	397.248.708
<b>Cộng</b>	<b>1.960.688.423</b>	<b>1.822.880.339</b>

**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 44 Trưng Trắc, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 39 348 790

Fax: (84 - 4) 39 341 591

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/07/2014	42.017.048.236	3.380.973.209	-	245.364.000	45.643.385.445
Tăng do đánh giá lại theo BB xác định GTDN	4.010.934.172	-	17.671.524.326	-	21.682.458.498
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	108.685.950	108.685.950
Trích lập các quỹ	-	-	-	(108.685.950)	(108.685.950)
Giảm do đánh giá lại theo DB xác định GTDN	-	-	-	(245.364.000)	(245.364.000)
Giảm khác(**)	(3.026.846)	-	-	-	(3.026.846)
Số dư ngày 31/12/2014	46.024.955.562	3.380.973.209	17.671.524.326	-	67.077.453.097
Lãi trong năm nay	-	-	-	400.129.746	400.129.746
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(400.129.746)	(400.129.746)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2015	46.024.955.562	3.380.973.209	17.671.524.326	-	67.077.453.097

Đơn vị tính: VND



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	46.024.955.562	46.042.866.487
Cộng	<u>46.024.955.562</u>	<u>46.042.866.487</u>

**15.3 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	829.482.474	120.038.923	-	949.521.397
Cộng	<u>829.482.474</u>	<u>120.038.923</u>	<u>-</u>	<u>949.521.397</u>

**(\*) Mục đích trích lập quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	19.588.399.301	11.652.013.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.909.462.518	4.549.470.133
Cộng	<u>31.497.861.819</u>	<u>16.201.483.739</u>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.879.600	10.691.450
Cộng	<u>4.879.600</u>	<u>10.691.450</u>

**3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	19.583.519.701	11.641.322.156
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.909.462.518	4.549.470.133
Cộng	<u>31.492.982.219</u>	<u>16.190.792.289</u>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	15.567.806.824	9.071.243.293
<b>Cộng</b>	<b>15.567.806.824</b>	<b>9.071.243.293</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	928.014.071	697.775.372
Cổ tức, lợi nhuận được chia	212.712.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.140.726.571</b>	<b>697.775.372</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.678.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	45.170.935	-
<b>Cộng</b>	<b>45.170.935</b>	<b>3.678.576</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Thu từ tiền lương Hội đồng quản trị	172.000.800	85.340.400
Thu nhập khác	48.150.909	128.639.192
<b>Cộng</b>	<b>220.151.709</b>	<b>213.979.592</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>8.066.190.669</i>	<i>3.412.212.368</i>
Chi phí nhân viên	3.392.992.768	1.915.379.100
Chi phí vật liệu quản lý	-	985.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.329.918	45.032.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	515.147.850	318.690.932
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.365.137	1.018.648.988
Chi phí khác bằng tiền	2.842.354.996	113.475.710

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>8.682.760.430</b>	<b>4.426.817.539</b>
Chi phí nhân viên	3.985.036.940	1.808.185.101
Chi phí vật liệu, bao bì	-	103.132.554
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	356.466.547	210.900.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.213.796	5.606.898
Thuế phí lệ phí	3.260.933	4.519.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.777.481.556	960.748.903
Chi phí khác bằng tiền	1.549.300.658	1.333.724.481

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	567.796.465	104.118.192
Chi phí nhân công	7.378.029.708	3.723.564.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	526.361.646	286.718.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.878.846.693	2.235.330.267
Chi phí khác bằng tiền	4.397.916.587	1.489.298.760
<b>Cộng</b>	<b>16.748.951.099</b>	<b>7.839.029.907</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	32.853.860.499	17.102.547.253
Tổng chi phí phát sinh trong năm	32.361.928.858	16.913.951.776
Chi phí không được trừ	138.062.200	174.629.644
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	32.223.866.658	16.739.322.132
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	629.993.841	363.225.121
Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	212.712.500	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	417.281.341	363.225.121
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	91.801.895	79.909.527

**VIII. Những thông tin khác****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam đang là nguyên đơn trong vụ kiện (khởi kiện tháng 10/2008) liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và dịch vụ văn hóa tại 22A Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội với bị đơn là Công ty CP Bán đấu giá Hà Nội. Việc thụ lý bản án đang được Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tiến hành và chưa có kết quả cuối cùng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Căn cứ quyết định số 4656/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam thành Công ty Cổ phần, đồng thời Công ty đang thực hiện bán đấu giá công khai 16.735.590 cổ phần (tương ứng 24,64% vốn điều lệ). Theo thông báo số 868/BVHTTDL-KHTC ngày 10/03/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc chấp thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là Tập đoàn Vingroup với số lượng cổ phần phát hành bán là 44.141.474 cổ phần (chiếm 65% vốn điều lệ) với giá 10.500 đồng/cổ phiếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Công ty CP In Sách Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

**\* Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2015	Từ 01/07/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.596.734.818</i>	-
Công ty CP In Sách Việt Nam	1.596.734.818	-
<b>* Số dư các bên liên quan</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>1.055.238.400</i>	<i>501.972.000</i>
Công ty CP In Sách Việt Nam	1.055.238.400	501.972.000

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và không phải là thông tin so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 được phân loại, trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác	17.621.300.483	(17.621.300.483)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	17.925.301.483	17.925.301.483
Tài sản ngắn hạn khác	304.001.000	(304.001.000)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.599.063.577	(56.599.063.577)	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả ngắn hạn khác	-	55.469.034.776	55.469.034.776
Vay và nợ ngắn hạn	1.100.550.000	(1.100.550.000)	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.100.550.000	1.100.550.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.568.000.000	(19.568.000.000)	
Vốn góp của chủ sở hữu	-	19.568.000.000	19.568.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.204.109.763	535.968.429	2.740.078.192
Quỹ dự phòng tài chính	535.968.429	(535.968.429)	-

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VIỆT NAM



Tổng giám đốc



Trần Quang Vinh